

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày 28 – 02 – 2025.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Mỹ Như.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Quang Liêm.

2. Ông Phạm Xuân Sang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên TAND huyện Tứ Kỳ.

- **Đại diện Viện K sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Khánh - K sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L , sinh năm 196x.

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện TK, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Phạm Xuân K , sinh năm 197x.

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện TK, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Minh Th , sinh năm 198x.

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện TK, tỉnh H.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn Bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà Hoàng Thị L và anh Phạm Xuân K là người cùng xã, có quen biết nhau. Ngày 11 tháng 12 năm 2020 (âm lịch), bà có cho anh Phạm Xuân K vay số tiền 100.000.000đồng, có viết giấy vay tiền nội dung: “*Cháu K vay cho Th (MX) của*

cô L Ngã Tư số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng chẵn)”. Khi đến nhà bà vay tiền, anh K có đi cùng một người tên Th, bà không quen biết người này. Khi vay tiền, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả, chỉ nói là khi nào bà cần thì báo trước cho anh K một khoản thời gian. Đến ngày 30/6/2024, sau nhiều lần bà yêu cầu anh K trả tiền thì anh K có bảo là trả cho bà 10.000.000đồng do anh Th chuyển khoản qua số tài khoản của bà mở tại Ngân hàng Techcombank. Như vậy, anh K còn nợ bà số tiền 90.000.000đồng, vẫn chưa trả. Bà L xác định anh K là người trực tiếp vay tiền, viết giấy nhận nợ và trực tiếp nhận tiền. Anh K có cho anh Th vay tiền lại số tiền 100.000.000đồng hay không thì bà không biết. Bà không cho anh Th vay tiền nên không yêu cầu anh Th phải trả tiền cho bà. Đối với số tiền 10.000.000đồng, anh Th xác định là trả thay cho anh K và bà thống nhất trừ vào tiền vốn gốc của số tiền anh K đã vay của bà. Anh Th và anh K tự giải quyết với nhau về số tiền mà anh Th đã chuyển cho bà.

Nay Bà Hoàng Thị L yêu cầu anh Phạm Xuân K phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền còn nợ là 90.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2025, anh Phạm Xuân K trình bày: Anh và bà L quen biết nhau từ năm 2004 qua nhiều lần anh vay tiền của bà L. Anh và anh Hoàng Minh Th là bạn bè. Vào ngày 11/12/2020 (âm lịch), do cần tiền chi tiêu nên anh Th có nhờ anh đưa lên nhà của bà L để anh Th vay tiền nhưng giữa bà L và anh Th chưa quen biết nhau nên bà L yêu cầu anh đứng ra vay tiền và phải viết giấy vay tiền thì bà L mới đồng ý cho anh Th vay. Các bên thống nhất, anh và anh Th có viết giấy vay tiền của bà L và bà L trực tiếp đưa số tiền 100.000.000đồng cho anh Th vay nhưng trong biên nhận anh viết thì anh là người trực tiếp vay tiền của bà L. Giữa bà L và anh Th thỏa thuận lãi suất như thế nào thì anh không biết.

Đối với giấy vay tiền ngày 11/12/2020 (âm) do bà L xuất trình, anh K xác định giấy vay tiền là do anh trực tiếp viết và ký tên với nội dung “*Cháu K vay cho Th (MX) của cô L Ngã Tư số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng chẵn)*”. Tuy nhiên, giấy vay tiền được viết lại giấy vay tiền trước đó vì bà L nói là đổi sổ vay nợ để thay thế cho giấy ban đầu có chữ ký của anh và anh Th, về nội dung thì không thay đổi so với giấy ban đầu. Mục đích anh viết lại giấy vay tiền của bà L là để xác nhận việc anh vay tiền cho anh Th. Anh không nhận tiền và cũng không có trả tiền cho bà L. Anh được biết là anh Th đã trả cho bà L 10.000.000đồng, còn nợ lại 90.000.000đồng. Nay anh không thống nhất trả số tiền còn lại là 90.000.000đồng theo yêu cầu của bà L vì số tiền này anh Th phải là người có trách nhiệm trả cho bà L. Trường hợp bà L vẫn giữ quan điểm khởi kiện anh thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Minh Th trình bày: Anh và anh Phạm Xuân K là bạn bè. Ngày 11/12/2020 (âm lịch), do cần tiền chi tiêu nên anh có nhờ anh K đưa lên nhà Bà Hoàng Thị L để vay tiền. Nhưng vì anh không quen biết bà L nên bà L không đồng ý cho anh vay mà bà L yêu cầu anh Phạm Xuân K phải là người trực tiếp vay tiền của bà L và anh K phải viết giấy vay tiền, nhận tiền của bà L. Anh và anh K thống nhất anh K trực tiếp vay của bà L số tiền 100.000.000đồng, anh K

viết giấy vay tiền có nội dung: "*Cháu K vay cho Th (Mx) của cô L Ngã Tư số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn)*". Anh K trực tiếp nhận của bà L số tiền 100.000.000đồng và đưa lại cho anh vào ngày 11/12/20 (AL). Số tiền 100.000.000đồng là anh K vay của bà L và anh K cho anh vay lại, anh không trực tiếp vay tiền của bà L nên anh không phải có trách nhiệm trả nợ cho bà L. Việc anh vay tiền của anh Kiêm, anh và anh K tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đối với số tiền 10.000.000đồng, anh chuyển khoản cho bà L vào ngày 30/6/2024, đáng lẽ ra anh K phải trực tiếp trả bà L nhưng vì anh có tiền trong tài khoản nên anh chuyển trả cho bà L thay cho anh K. Anh thống nhất việc bà L trừ số tiền này vào số tiền anh K đã vay của bà L và xác định anh K còn nợ bà L số tiền 90.000.000đồng. Số tiền 10.000.000đồng anh đã chuyển trả cho bà L thay cho anh K, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà để anh và anh K tự giải quyết. Trong trường hợp có tranh chấp, anh sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giữ nguyên quan điểm yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 90.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị vắng mặt. Tại đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật, đối với số tiền 90.000.000đồng anh Th nợ anh, anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, đối với số tiền 10.000.000đồng anh Th đã trả cho bà L thay cho anh, anh thống nhất việc anh Th trả thay cho anh số tiền này, không yêu cầu Tòa án giải quyết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng giữ quan điểm như đề nghị của bị đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền 90.000.000đồng mà anh còn nợ bị đơn và đối với số tiền 10.000.000đồng, anh trả nợ thay cho anh Kiêm, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện K sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 35, 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 463, 464, 465, 466, 468, 357 của Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị L, buộc anh Phạm Xuân K phải trả cho bà L số tiền vốn gốc là 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng). Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét

đầy đủ, toàn diện chứng cứ, lời khai của đương sự, ý kiến của K sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ, đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có nơi cư trú tại xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự thể hiện: Các đương sự đều thống nhất giữa các đương sự có phát sinh mối quan hệ vay tài sản (tiền) theo xác nhận nợ ngày 11/12/2020 với nội dung “*Cháu K vay cho Th (Mx) của cô L Ngã Tư số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn)*”. Anh K thừa nhận chữ viết và ký tên của anh trong giấy xác nhận nợ ngày 11/12/2020 nhưng anh cho rằng anh Th là người trực tiếp nhận tiền từ nguyên đơn, anh Th là người vay tiền của nguyên đơn. Tuy nhiên, việc này không được nguyên đơn thừa nhận và anh cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của anh trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, anh Th xác nhận anh K là người trực tiếp vay tiền của nguyên đơn để cho anh vay lại số tiền này vì giữa anh và nguyên đơn không quen biết với nhau, anh không có vay tiền của nguyên đơn. Lời khai này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn tại biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2025. Như vậy, nội dung xác nhận ngày 11/12/2020 là xác nhận giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn với anh K. Anh K là người trực tiếp vay tiền nên anh phải có trách nhiệm với số tiền đã vay của nguyên đơn. Trong quá trình thực hiện, anh K đã trả được số tiền 10.000.000đồng, thông qua việc anh Th chuyển trả cho nguyên đơn. Các đương sự đều thừa nhận số tiền này anh Th trả thay cho anh K và cùng xác nhận anh K còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 90.000.000đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh K phải trả số tiền còn nợ 90.000.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 90.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Đối với quan hệ vay tiền giữa anh K và anh Th, anh K và anh Th thống nhất tự thỏa thuận, trường hợp có tranh chấp, đương sự sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Đối với số tiền 10.000.000đồng, anh K và anh Th thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, ... quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 465, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,... quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị L .

Buộc anh Phạm Xuân K phải trả cho Bà Hoàng Thị L số tiền 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Bà Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005684 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Anh Phạm Xuân K phải nộp 4.500.000đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như